

Số: /BC-SNV

Điện Biên, ngày tháng 4 năm 2025

BÁO CÁO

Phân tích kết quả Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (Sipas) và kết quả Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Điện Biên năm 2024

Trên cơ sở kết quả Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của tỉnh năm 2024 được Bộ Nội vụ công bố tại các Quyết định số 267, 268/QĐ-BNV ngày 28/3/2025, Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực BCD CCHC Nhà nước tỉnh báo cáo phân tích kết quả Chỉ số SIPAS và PAR INDEX năm 2024 của tỉnh Điện Biên với các nội dung cơ bản như sau:

I. KẾT QUẢ CHỈ SỐ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC (SIPAS)

1. Tổng quan về Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan nhà hành chính nhà nước năm 2024

Năm 2024, Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nhằm đánh giá chất lượng phục vụ người dân và mức độ hài lòng, sự mong đợi của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước dựa trên cảm nhận của người dân.

Việc thu thập thông tin được thực hiện thông qua khảo sát chọn mẫu. Đối tượng khảo sát là người dân ở độ tuổi 18 tuổi trở lên. Đối với tỉnh Điện Biên địa bàn khảo sát chọn 3 đơn vị cấp huyện là thành phố Điện Biên Phủ, Thị xã Mường Lay và huyện Mường Chà. Tại mỗi huyện chọn 03 đơn vị cấp xã và tại mỗi đơn vị cấp xã lựa chọn 02 thôn, bản, tổ dân phố (tổng số 18 thôn, bản, tổ dân phố); tại mỗi thôn, bản, tổ dân phố đã chọn tiến hành lập danh sách hộ dân và chọn ngẫu nhiên các hộ để phát phiếu khảo sát, đối tượng là thành viên đại diện hộ gia đình được chọn (đảm bảo đủ 18 tuổi trở lên). Việc thu phát phiếu khảo sát do các nhân viên Bưu điện cấp huyện, cấp xã thực hiện trên cơ sở lựa chọn của Bưu điện tỉnh (theo Hợp đồng giữa Bộ Nội vụ với Bưu điện Việt Nam và hướng dẫn của Bộ Nội vụ).

Sở Nội vụ phối hợp với Vụ Cải cách hành chính – Bộ Nội vụ trong việc lựa chọn địa bàn khảo sát theo công thức do Bộ Nội vụ hướng dẫn; lập danh sách các hộ gia đình tại các thôn, bản, tổ dân phố được lựa chọn theo mẫu, (không được tham gia vào khâu nào khác của toàn bộ quá trình khảo sát).

2. Nội dung, tiêu chí đo lường sự hài lòng của người dân năm 2024

Đo lường mức độ hài lòng (MĐHL) của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (CQHCCNN) được thực hiện với **09 nhóm tiêu chí**, trong đó 04 nhóm tiêu chí về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách công quan trọng đối với đời sống của người dân và 05 nhóm tiêu chí về việc cung ứng dịch vụ hành chính công.

+ 04 nhóm tiêu chí về xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách công quan trọng đối với đời sống của người dân gồm: (1) Trách nhiệm giải trình của cơ quan; (2) Cơ hội tham gia của người dân vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện chính sách; (3) Chất lượng chính sách; (4) Kết quả, tác động của chính sách.

+ 05 nhóm tiêu chí về việc cung ứng dịch vụ hành chính công bao gồm: (1) Tiếp cận dịch vụ; (2) Thủ tục hành chính; (3) Công chức giải quyết công việc; (4) Kết quả dịch vụ; (5) Cơ quan nhà nước tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân.

3. Kết quả đo lường sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước năm 2024

Mức độ hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nói chung năm 2024 của tỉnh đạt **82,96%**, xếp thứ **40/63** tỉnh, thành; **tăng 2,86%** và **09 bậc** so với năm 2023 (**80,10%**, xếp thứ 49/63). Một điểm sáng khác của Kết quả Chỉ số Sipas năm 2024 là **39/39 tiêu chí** thuộc **09 nhóm tiêu chí đều tăng điểm so với năm 2023**, cụ thể như sau:

Tiêu chí	Năm 2024	Năm 2023	Tăng (+)/ giảm (-) Năm 2024 so với 2023
I. VIỆC XÂY DỰNG, TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH (CS)	82.88%	80.03%	2.85%
A. Trách nhiệm giải trình của chính quyền về CS	81.94%	80.29%	1.65%
1. Chính quyền cung cấp, giải thích thông tin CS theo nhiều hình thức, dễ tìm, dễ thấy.	81.61%	79.89%	1.72%
2. Chính quyền cung cấp thông tin CS đầy đủ, dễ hiểu người dân (ND).	82.27%	80.68%	1.59%
B. Sự tham gia của ND vào quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện CS	82.77%	79.41%	3.36%
3. Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để ND dễ dàng tham gia ý kiến xây dựng CS.	82.64%	79.50%	3.14%
4. Chính quyền tổ chức nhiều hình thức để ND dễ dàng phản hồi ý kiến đánh giá tình hình triển khai và kết quả, tác động của CS ở địa phương.	82.90%	79.32%	3.58%

C. Chất lượng tổ chức thực hiện CS	82.75%	79.87%	2.88%
5. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS phát triển kinh tế ở địa phương	82.85%	79.46%	3.39%
6. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS khám chữa bệnh ở địa phương	82.89%	80.07%	2.82%
7. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS giáo dục phổ thông ở địa phương.	83.06%	80.47%	2.59%
8. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS trật tự, an toàn xã hội ở địa phương.	83.44%	80.79%	2.65%
9. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS giao thông đường bộ ở địa phương.	81.45%	78.53%	2.92%
10. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS điện sinh hoạt ở địa phương.	82.36%	80.04%	2.32%
11. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS nước sinh hoạt ở địa phương.	82.44%	79.50%	2.94%
12. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS an sinh xã hội ở địa phương.	83.31%	80.75%	2.56%
13. Chính quyền tổ chức thực hiện tốt CS cải cách hành chính ở địa phương.	82.98%	79.25%	3.73%
D. Kết quả, tác động của CS	83.21%	80.24%	2.97%
14. Kinh tế gia đình của ND địa phương tốt hơn.	82.52%	79.46%	3.06%
15. Kinh tế - xã hội của địa phương tốt hơn.	82.73%	80.00%	2.73%
16. Bệnh viện công lập ở địa phương khám chữa bệnh cho ND tốt hơn.	83.10%	79.78%	3.32%
17. Trường phổ thông công lập dạy học sinh tốt hơn.	83.32%	80.43%	2.89%
18. Trật tự, an toàn xã hội ở địa phương tốt hơn.	83.72%	81.36%	2.36%
19. Đường bộ, giao thông ở địa phương tốt hơn.	83.31%	80.00%	3.31%
20. Điện sinh hoạt của ND ở địa phương tốt hơn.	83.14%	80.79%	2.35%
21. Nước sinh hoạt của ND ở địa phương tốt hơn.	83.18%	80.21%	2.97%
22. An sinh xã hội đối với ND ở địa phương tốt hơn.	83.88%	80.79%	3.09%
23. CQHCCN, CBCCVC ở địa phương có năng lực và thực thi công vụ tốt hơn	83.18%	79.57%	3.61%
II. VIỆC CUNG ỨNG DVHCC	83.08%	80.20%	2.88%
E. Tiếp cận dịch vụ	82.78%	80.05%	2.73%
24. BPMC có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ tìm, dễ thấy.	82.27%	79.18%	3.09%

25. BPMC có đủ ghế ngồi chờ, ghế ngồi giải quyết công việc và bàn viết cho ND.	82.98%	80.18%	2.80%
26. BPMC có trang thiết bị phục vụ ND đầy đủ, chất lượng tốt, giúp giải quyết công việc dễ dàng hơn.	83.10%	80.79%	2.31%
G. Thủ tục hành chính	83.48%	80.23%	3.25%
27. Quy định TTHC được niêm yết công khai tại BPMC dễ thấy, dễ đọc.	83.39%	80.54%	2.85%
28. Công chức yêu cầu ND nộp hồ sơ TTHC đúng quy định.	83.26%	80.18%	3.08%
29. Công chức yêu cầu ND đóng phí/lệ phí TTHC đúng theo quy định.	83.55%	80.00%	3.55%
30. Thời hạn giải quyết TTHC đúng theo quy định.	83.72%	80.21%	3.51%
H. Công chức trực tiếp giải quyết công việc	83.07%	80.16%	2.91%
31. Công chức ở BPMC có thái độ giao tiếp lịch sự, tôn trọng ND.	82.81%	80.00%	2.81%
32. Công chức ở BPMC hướng dẫn hồ sơ dễ hiểu, đầy đủ, giúp ND có thể hoàn thiện hồ sơ sau một lần hướng dẫn.	83.02%	80.54%	2.48%
33. Công chức ở BPMC tuân thủ đúng quy định trong giải quyết TTHC.	83.39%	79.93%	3.46%
I. Kết quả dịch vụ	83.01%	81.07%	1.94%
34. Kết quả giải quyết TTHC được trả đúng hạn.	83.27%	80.86%	2.41%
35. Kết quả giải quyết TTHC có thông tin đầy đủ, chính xác.	82.53%	81.36%	1.17%
36. Kết quả giải quyết TTHC đảm bảo tính công bằng.	83.23%	81.00%	2.23%
K. Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của ND	82.94%	79.49%	3.45%
37. BPMC bố trí hình thức tiếp nhận phản ánh, kiến nghị dễ dàng.	82.82%	79.50%	3.32%
38. BPMC tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị đúng quy định.	83.06%	79.57%	3.49%
39. BPMC thông báo kết quả xử lý phản ánh kiến nghị cho ND kịp thời.	82.93%	79.39%	3.54%
SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH NÓI CHUNG NĂM 2024	82.96%	80.10%	2.86%

Như vậy, sự hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước năm 2024 đã có sự chuyển biến tích cực, điều này thể hiện người

dân và đại diện tổ chức có những phản ánh tích cực hơn so với trước về quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, phục vụ người dân, tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh. Tuy nhiên, thông qua khảo sát SIPAS năm 2024, người dân, đại diện tổ chức được hỏi đã bày tỏ mong muốn các cấp chính quyền cần cải thiện một số nội dung trong quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, đó là: 77,8% bày tỏ mong muốn “Nâng cao năng lực của CBCCVC chức trong giải quyết công việc cho người dân”; 70,54% mong muốn “Nâng cao tinh thần, thái độ phục vụ của CBCCVC đối với người dân trong giải quyết công việc”; 59,75% mong muốn “Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ giải quyết công việc cho người dân”; 53,32% cho mong muốn “Mở rộng các cơ hội tham gia giám sát của người dân đối với hoạt động của chính quyền”...

II. KẾT QUẢ CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TỈNH (PAR INDEX)

1. Công tác triển khai tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số CCHC năm 2024

Nhằm chủ động trong thu thập tài liệu kiểm chứng phục vụ đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC tỉnh năm 2024, ngày 09/12/2024, Sở Nội vụ đã ban hành Văn bản số 2309/BCĐCCHC-CĐS&ĐA06-SNV về việc thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến công tác tự chấm điểm xác định chỉ số Cải cách hành chính tỉnh năm 2024.

Ngày 16/12/2024, Sở Nội vụ - Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh đã ban hành văn bản số 2363/BCĐCCHC-CĐS&ĐA06-SNV về việc tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC tỉnh năm 2024 gửi các cơ quan có liên quan thực hiện tự đánh giá, chấm điểm.

Trên cơ sở kết quả tự chấm điểm, các tài liệu kiểm chứng (TLKC) và giải trình của các cơ quan được phân công tự chấm điểm, Sở Nội vụ tổng hợp Dự thảo Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm chỉ số cải cách hành chính năm 2024 của tỉnh và thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC do Bộ Nội vụ quản lý.

Ngày 15/01/2025, Sở Nội vụ đã tổ chức cuộc họp gồm các cơ quan được phân công nhiệm vụ chấm điểm xác định chỉ số CCHC của tỉnh năm 2024 để rà soát, thống nhất nội dung, giải trình làm rõ cách tự đánh giá, chấm điểm nhằm đạt kết quả cao nhất.

Tổng số điểm tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số CCHC của tỉnh năm 2024 là **60,642/66,5 điểm** (đạt 91,91% so với điểm tối đa). Báo cáo kết quả tự đánh giá, chấm điểm, các TLKC được gửi qua phần mềm chấm điểm chỉ số cải cách hành chính theo yêu cầu của Bộ Nội vụ đảm bảo nội dung, thời gian.

2. Kết quả chỉ số CCHC tỉnh năm 2024

Điểm Chỉ số CCHC năm 2024 của tỉnh Điện Biên đạt **88,23/100, tăng 0,21 điểm so với năm 2023** (năm 2023 đạt 88.02/100), là năm tỉnh đạt số điểm cao

nhất từ trước đến nay¹. Điểm do tự đánh giá, chấm điểm thông qua cung cấp số liệu, tài liệu kiểm chứng là **58,904/66,5 điểm**; thông qua điều tra xã hội học và đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước là 27,89/32 điểm; điểm do Văn phòng Chính phủ theo dõi, đánh giá (*Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao*) đạt 1,429/1,5 điểm, cụ thể điểm đạt điểm qua TLKC như sau:

- *Lĩnh vực 1*: Công tác chỉ đạo, điều hành CCHC: đạt 7,96/8 điểm;
- *Lĩnh vực 2*: Cải cách thể chế: đạt 5,75/6 điểm;
- *Lĩnh vực 3*: Cải cách thủ tục hành chính: đạt 13/13 điểm;
- *Lĩnh vực 4*: Cải cách tổ chức bộ máy hành chính: 6,5/6,5 điểm;
- *Lĩnh vực 5*: Cải cách chế độ công vụ: đạt 5,25/6 điểm;
- *Lĩnh vực 6*: Cải cách tài chính công: đạt 6,75/8 điểm;
- *Lĩnh vực 7*: Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số: đạt 10,774/12,5 điểm;
- *Lĩnh vực 8*: Tác động của CCHC đến người dân và kinh tế - xã hội, khảo sát lãnh đạo, quản lý:
 - + Tác động đến phát triển kinh - tế xã hội: đạt 2,92/6,5 điểm;
 - + Quy đổi điểm từ Chỉ số SIPAS (Kết quả đo lường Sự hài lòng người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước): 8,30/10 điểm;
 - + Điểm quy đổi từ kết quả Khảo sát lãnh đạo, quản lý (Điều tra xã hội học qua Email đối với Đại biểu HĐND tỉnh, Lãnh đạo cấp Sở, Lãnh đạo cấp phòng thuộc Sở; lãnh đạo UBND cấp huyện): đạt 19,59/22 điểm.

Như vậy, trong năm 2024, với sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh và sự cố gắng của các cấp, các ngành, các địa phương... điểm xác định Chỉ số CCHC tiếp tục tăng so với năm 2023. Trong đó, có 04 lĩnh vực tăng điểm so với năm 2023² và có lĩnh vực đạt tỷ lệ cao so với điểm tuyệt đối như: Công tác chỉ đạo, điều hành; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức bộ máy:

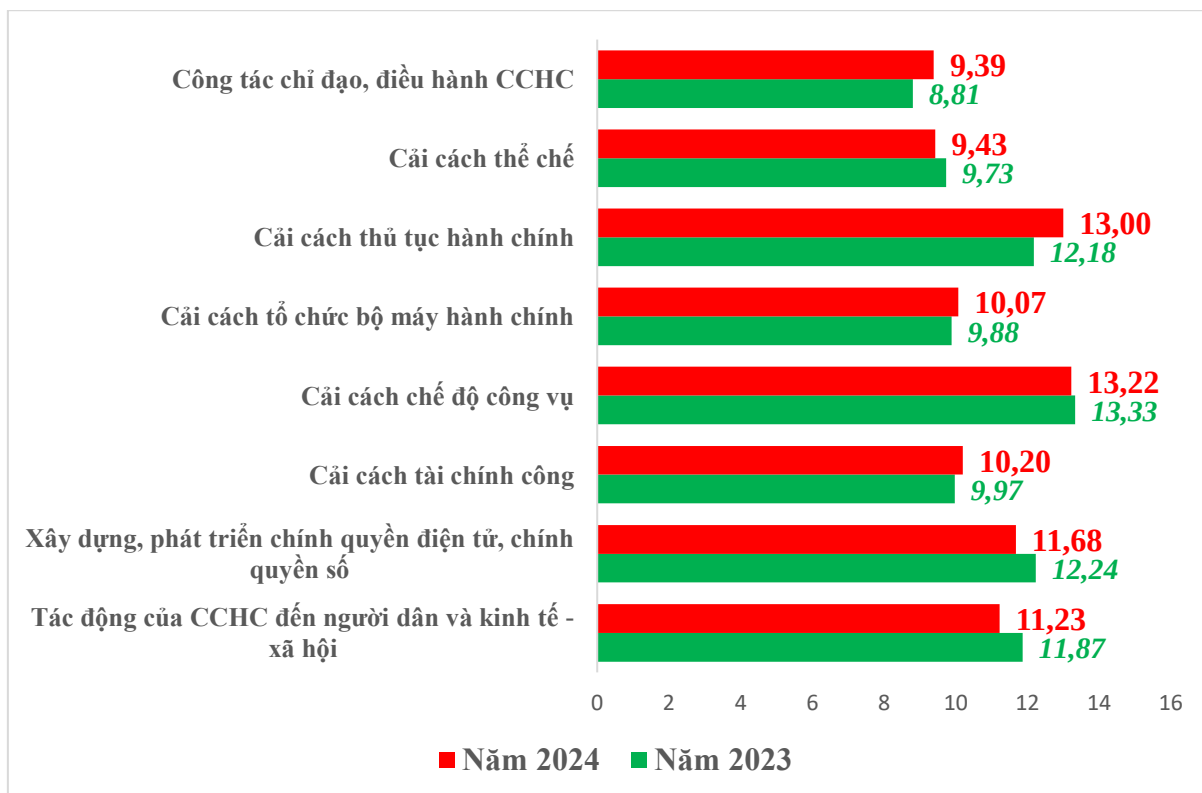
¹ Năm 2023 – 88,02%; 2022 – 86,30%; 2021 – 87,11%; 2020 – 84,69%; 2019 – 81,42%; 2018 -77%; 2017 – 79,53%; 2016 – 70,18%; 2016 – 70, 18%; 2015 – 74,99%; 2014 – 68,68%; 2013 – 65,13%; 2012 – 62,58%.

² + Công tác chỉ đạo, điều hành (+ 0,58 điểm, đạt 9,39/9,5 = 98,83%);

+ Cải cách TTHC (+0,82 điểm, đạt tối đa 13/13 =100%);

+ Cải cách tổ chức bộ máy hành chính (+0,19 điểm, đạt 10,07/10,5 = 95,92%);

+ Cải cách tài chính công (+0,23 điểm, đạt 10,2/12 =85%).



Biểu đồ kết quả điểm các lĩnh vực CCHC năm 2023 và 2024 của tỉnh Điện Biên

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

Năm 2024, mặc dù điểm xác định Chỉ số CCHC tỉnh tăng nhưng so với năm 2024, vị trí xếp hạng giảm 15 bậc, xếp thứ 35/63 tỉnh thành³; còn có 19 tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP) chưa đạt điểm hoặc chưa đạt điểm tối đa so với Bộ tiêu chí chấm điểm. Tổng điểm (Cả điều tra xã hội học) của 04 lĩnh vực giảm điểm so với năm 2023, trong đó có nội dung giảm sâu và làm nguyên nhân trực tiếp ảnh hưởng đến vị trí xếp hạng của Chỉ số CCHC năm 2024, cụ thể như sau:

* 04 lĩnh vực giảm điểm so với năm 2023 là:

- + Cải cách thể chế giảm nhẹ: 0,3 điểm, đạt 9,43/10 điểm = 94,32%;
- + Cải cách chế độ công vụ giảm nhẹ: 0,11 điểm; đạt 13,33/15 điểm = 88,17%;
- + Xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số giảm 0,56 điểm, đạt 11,23/13,5 điểm = 86,53%;
- + Tác động của CCHC đến kinh tế - xã hội **giảm sâu**: 0,926 điểm, chỉ đạt 2,92/6,5 = 44,92%.

³ Năm 2023 xếp thứ 20/63 tỉnh, thành

BẢNG THỐNG KÊ 19 TC, TCTP KHÔNG ĐẠT ĐIỂM HOẶC KHÔNG ĐẠT ĐIỂM TỐI ĐA CHỈ SỐ CCHC TỈNH NĂM 2024

Số thứ tự TC, TCTP	Lĩnh vực/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm chuẩn	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Điểm bị trừ so với tự đánh giá	Nguyên nhân chưa đạt điểm tối đa hoặc chưa đạt điểm	Đơn vị chủ trì
1.3.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	1	0.96	0.96	0	Năm 2024, các cơ quan, đơn vị được kiểm tra có tồn tại, hạn chế đã thực hiện khắc phục được 23/25 vấn đề; Còn 02 vấn đề là: (1) Về cán bộ, công chức cấp xã vẫn còn 21 trường hợp chưa đạt chuẩn; (2) Một số cơ quan, đơn vị, địa phương có hồ sơ quá hạn trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh (thực tế đã trả đúng hạn cho cá nhân, tổ chức).	Sở Nội vụ
1.7	Thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao	1.5	1.429	1.429	0	THỐNG KÊ ĐẾN 20/12/2024: '- Số nhiệm vụ được giao: 226; - Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn: 45; - Số nhiệm vụ đã hoàn thành quá hạn: 01; - Số nhiệm vụ đang thực hiện trong hạn: 161; - Số nhiệm vụ đang thực hiện quá hạn: 09.	VP UBND tỉnh

2.3.2	Xử lý văn bản trái pháp luật do cơ quan có thẩm quyền kiến nghị	1	1	0.75	0.25	- Năm 2024, tỉnh Điện Biên có 01 văn bản phải xử lý theo Kết luận kiểm tra số 44/KL-BTP ngày 25/12/2024 của Bộ Tư pháp đối với Quyết định số 50/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng và phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích công trình sự nghiệp của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Điện Biên.- Chấm 0..75 điểm trên cơ sở dữ liệu thẩm định của Bộ Tư pháp.	Sở Tư pháp
5.4	Chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính của cán bộ, công chức, viên chức	1.5	1	1	0	Có một số trường hợp lãnh đạo cấp phòng bị kỷ luật năm 2024: Đặng Thị Hương Phó Trưởng phòng Kinh tế TP ĐBP, kỷ luật Cảnh cáo; Đỗ Trung Kiên Phó Trưởng phòng Quản lý đô thị TP ĐBP kỷ luật Cảnh cáo; Trương Thị Thanh Huệ Phó GD Trung tâm phát triển quỹ đất kỷ luật khiển trách; Tòng Văn Trung, Phó GD ban QLDA các công trình TP ĐBP; Lê Xuân Hồng Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ việc làm thuộc Sở LĐTBXH kỷ luật cảnh cáo. Thể hiện tại báo cáo 246/BC-UBND ngày 17/01/2025	Sở Nội vụ

5.6	Tỷ lệ đạt chuẩn của cán bộ, công chức cấp xã	0.5	0.25	0.25	0	CÒN MỘT SỐ CÁN BỘ CẤP XÃ CHƯA ĐẠT CHUẨN:* Trình độ giáo dục phổ thông: THPT: 1279/1339, chiếm 95,51%; THCS: 57/1339, chiếm 4,26%; Tiểu học: 3/1339, chiếm 0,25%. * Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ: Trên đại học: 38/1339, chiếm 2,83%; Đại học: 1085/1339, chiếm 81,03%; Cao đẳng: 40/1339, chiếm 2,99%; Trung cấp: 160/1339, chiếm 11,95%; Sơ cấp: 12/1339, chiếm 0,9%; Chưa qua đào tạo: 4/1339, chiếm 0,3%. * Trình độ lý luận chính trị: Cao cấp: 86/1339, chiếm 6,42%; Trung cấp: 1231/1339, chiếm 92%; Sơ cấp: 15/1339, chiếm 1,12%; Chưa qua đào tạo: 07/1339, chiếm 0,52%."	
6.1.1	Thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước (NSNN)	1	0.961	0.785	0.176	- Ước thanh toán kế hoạch vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước năm 2024 đến 31/12/2024 là 3.910.020 /4.070.513 triệu đồng, đạt 96,06% kế hoạch vốn Thủ tướng Chính phủ giao, trong đó: + Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương là 1.213.872 /1.313.872 triệu đồng, đạt 92,39% kế hoạch vốn giao. + Vốn ngân sách trung ương là 1.426.320 /1.426.320 triệu đồng, đạt 100% kế hoạch vốn giao. + Vốn thực hiện 3 Chương trình MTQG là 1.269.827 /1.330.321 triệu đồng, đạt 95,45% kế hoạch vốn giao.- Văn bản số 768/BTC-DT ngày 20/01/2025 về việc tình hình giải ngân vốn đầu tư nguồn NSNN 12 tháng, Ước 13 tháng kế hoạch năm 2024 (Số giải ngân là số liệu ước giải ngân đến 31/01/2025)	Sở Kế hoạch và Đầu tư

6.1.3	Thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	1	0.961	0.961	0	Tổng số tiền thực hiện theo kiến nghị là: 2.836.483.552.955 đồng; Số thực hiện NSNN theo kiến nghị là: 2.726.592.662.678 đồng; Tỷ lệ thực hiện NSNN theo kiến nghị đạt 96,13%.	Sở Tài chính
6.3.1	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên	0.25	0	0	0	Mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh đã được cấp có thẩm quyền giao ổn định giai đoạn 2022-2026 tại QĐ số 1185 ngày 7/7/2022 của UBND tỉnh. Do đó, số lượng đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên và đơn vị SNCL tự bảo đảm chi thường xuyên năm 2024 KHÔNG TĂNG so với năm 2023	Sở Tài chính
6.3.2	Số đơn vị SNCL tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	0.75	0	0	0		Sở Tài chính
7.1.1	Triển khai, duy trì, cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử theo quy định	0.5	0.5	0	0.5	Tỉnh Điện Biên chưa cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, phiên bản 3.0 theo hướng dẫn tại Quyết định số 2568/QĐ-BTTTT ngày 29/12/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông
7.1.4	Tỷ lệ số dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) được đưa vào sử dụng chính thức	1	1	0.688	0.313	Tỉnh Điện Biên đã thực hiện kết nối và đưa vào sử dụng chính thức 13/16 dịch vụ dữ liệu có trên Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) quy định địa phương kết nối trong năm 2024.	Sở Thông tin và Truyền thông

7.3.4	Triển khai số hóa hồ sơ giải quyết TTHC	1	0.5	0.5	0	- Tổng số hồ sơ TTHC: 262.675 hồ sơ - Tổng số hồ sơ TTHC được số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC: 212.260 hồ sơ (bao gồm: Hồ sơ TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh, các Hệ thống của Bộ, ngành như Bộ KHĐT, GDĐT,... Hồ sơ thuộc lĩnh vực chứng thực không phải số hóa hồ sơ do chỉ yêu cầu xuất trình bản chính/nộp bản sao các giấy tờ và không phải số hóa kết quả do có quy định không lưu trữ kết quả giải quyết TTHC)."+ Một số cơ quan, đơn vị không thực hiện đầy đủ việc cập nhật dữ liệu, lưu vào Kho dữ liệu của cá nhân trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC của tỉnh.+ Kết quả số hoá không đảm bảo giá trị pháp lý, chỉ một số kết quả giải quyết TTHC này là thành phần hồ sơ của TTHC khác.+ Công dân không thực hiện lưu kết quả TTHC vào kho dữ liệu điện tử tổ chức, cá nhân của Cổng DVC quốc gia.+ Bộ, ngành chưa thực hiện chuẩn hóa 100% mã giấy tờ, kết quả giải quyết.	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.6	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình	1.5	1.323	1.323	0	- Tổng số hồ sơ giải quyết trong năm của DVC trực tuyến toàn trình (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến): 50.328 - Số hồ sơ giải quyết trực tuyến của DVC trực tuyến toàn trình (không sử dụng bản giấy): 44.399 -> Điểm đánh giá: $44.399/50.328 * 1,5 = 1,3223$ điểm	Sở Thông tin và Truyền thông
7.3.7	Thực hiện thanh toán trực tuyến	1.5	1.264	1.264	0	- Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính: 429 - Số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến: 429 -> Điểm đánh giá: $429/429 * 0,5 = 0,5$ điểm"	Sở Thông tin và

						- Tổng số TTHC đang triển khai thanh toán trực tuyến: 240 - Số TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 207 -> Điểm: $207/240 * 0.5 = 0,431$ điểm - Tổng số hồ sơ đã giải quyết của các TTHC thuộc phạm vi đánh giá: 55.556 - Số hồ sơ có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến: 36.974 -> Điểm: $36.974/55.556 * 0.5 = 0,336$ điểm	Truyền thông
8.2	Mức độ thu hút đầu tư của tỉnh	1	0	0	0	Tỉnh đã chấp thuận chủ trương đầu tư cho 12 dự án (có 01 dự án phê duyệt CTĐT để thực hiện đấu giá, tuy nhiên chưa lựa chọn được NĐT) với tổng vốn đầu tư là 2.285,44 tỷ đồng, bằng 26,01% so với năm trước (năm 2024 phê duyệt 24 dự án với tổng vốn là 8786,364 tỷ đồng).	Sở Kế hoạch và Đầu tư
8.3.2	Số vốn đăng ký của doanh nghiệp	0.5	0	0	0	Số vốn đăng ký năm 2024 KHÔNG TĂNG SO VỚI NĂM 2023 . Năm 2024 số vốn đăng ký 876,27 tỷ đồng (cùng kỳ năm 2023: số vốn đăng ký 999,61 tỷ đồng).	
8.4	Thực hiện thu ngân sách hàng năm của tỉnh	2	1.5	0.5	1	Căn cứ số liệu thu NSNN năm 2024 của 63 địa phương (kết xuất ngày 31/01/2025): Thực hiện thu năm 2024 của tỉnh tăng 1,1% so với dự toán và đứng thứ 62/63 địa phương) Căn cứ số liệu thu NSNN năm 2024 của 63 địa phương (kết xuất ngày 31/01/2025): Thực hiện thu năm 2024 của tỉnh tăng 1,1% so với dự toán và đứng thứ 62/63 địa phương)	Sở Tài chính

8.5	Mức độ thực hiện các chỉ tiêu phát triển KT-XH do HĐND tỉnh giao	1.5	0.923	0.923	0	Tổng số chỉ tiêu KT-XH được giao theo kế hoạch là 39; Số chỉ tiêu KT-XH vượt so với kế hoạch là 16; Số chỉ tiêu KT-XH đạt so với kế hoạch là 12.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
	TỔNG ĐIỂM	19	13,371	11,332	2.239		

4. Một số giải pháp duy trì, cải thiện kết quả Chỉ số cải cách hành chính tỉnh năm 2025 và các năm tiếp theo

Để duy trì, cải thiện Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) trong năm 2025 và những năm tiếp theo, trên cơ sở kết quả phân tích Chỉ số PAR INDEX năm 2024, các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, cần triển khai thực hiện tốt những nội dung sau:

Một là, tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chủ trương của Đảng, Chính phủ về công tác CCHC: Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính Nhà nước giai đoạn 2021-2030; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 12-NQ/TU ngày 29/7/2021 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, gắn với nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch CCHC giai đoạn 2021-2030 của tỉnh; tổ chức thực hiện hoàn thành mục tiêu Kế hoạch CCHC hằng năm của tỉnh.

Hai là, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, địa phương trong thực hiện nhiệm vụ CCHC cũng như trong cung ứng dịch vụ hành chính công. Thực hiện nghiêm túc việc lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC tại các đơn vị, địa phương là một trong các tiêu chuẩn xét thi đua khen thưởng, bổ nhiệm, đánh giá xếp loại CBCCVC. Tiếp tục đẩy mạnh và đa dạng hóa công tác tuyên truyền về công tác CCHC; ban hành kế hoạch và thực hiện kiểm tra công tác CCHC Nhà nước tại các cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh theo kế hoạch.

Ba là, Chỉ đạo thực hiện tốt công tác tham mưu, ban hành văn bản QPPL; thực hiện tốt công tác kiểm tra, xử lý; rà soát, đôn đốc việc xử lý văn bản QPPL sau kiểm tra, rà soát theo quy định. Triển khai thực hiện có hiệu quả Chương trình phổ biến, giáo dục pháp luật; đôn đốc, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật tập trung vào các lĩnh vực trọng tâm gắn với thực hiện nhiệm vụ chính trị của ngành, đơn vị, địa phương; Tiếp tục thực hiện tốt công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật trọng tâm, liên ngành theo quy định; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra công tác theo dõi thi hành pháp luật tại một số lĩnh vực tại các sở, ngành và địa phương để kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc phát sinh.

Bốn là, nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh xây dựng dự thảo Quyết định công bố danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh; quy trình nội bộ đối với việc giải quyết từng TTHC các cấp. Cập nhật, bổ sung, sửa đổi các thông tin liên quan của TTHC trên Cơ sở dữ liệu TTHC; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương trực tiếp giải quyết TTHC niêm yết công khai TTHC và địa chỉ tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức tại nơi giải quyết TTHC; Tăng cường công tác truyền thông về kiểm soát TTHC, cải cách TTHC. Tiếp tục thực hiện việc đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC, dịch vụ

theo thời gian thực trên môi trường điện tử và Tiến độ giải quyết TTHC trên Cổng dịch vụ công quốc gia và danh sách các cơ quan, đơn vị, địa phương giải quyết hồ sơ TTHC quá hạn báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định.

Năm là, thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, Chính phủ về đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị “tinh - gọn - mạnh - hiệu năng - hiệu lực - hiệu quả”; thực hiện rà soát, sửa đổi vị trí việc làm để bố trí số biên chế hợp lý cho từng cơ quan, đơn vị, địa phương; rà soát, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm và trình độ đào tạo phù hợp với chức năng nhiệm vụ, bảo đảm cơ cấu phù hợp về nữ, người dân tộc thiểu số. Thực hiện có hiệu quả việc sàng lọc, đưa ra khỏi vị trí công tác đối với những người không đủ phẩm chất, năng lực, uy tín; quan tâm bố trí, sử dụng đối với người có năng lực nổi trội. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng biên chế của các cơ quan, đơn vị theo Kết luận số 40-KL/TW ngày 18/7/2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022-2026; sau sắp xếp, tinh gọn bộ máy thực hiện rà soát xây dựng Kế hoạch quản lý, sử dụng và tinh giản biên chế giai đoạn 2026-2031. Thực hiện chỉ đạo Trung ương về thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp kịp thời, hiệu quả.

Sáu là, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cán bộ; xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, tập trung thực hiện quy trình công tác cán bộ, đảm bảo giữ vững nguyên tắc “Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, đi đôi với phát huy trách nhiệm của các tổ chức và người đứng đầu các tổ chức trong hệ thống chính trị”. Kịp thời ban hành đầy đủ, đồng bộ và thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung các chính sách, quy định về công tác cán bộ đảm bảo theo quy định và phù hợp với thực tiễn địa phương; tạo cơ sở triển khai thực hiện công tác cán bộ đảm bảo thống nhất, dân chủ, chặt chẽ, công khai, minh bạch trong công tác cán bộ để lựa chọn được những người thật sự có đức, có tài, năng lực, trách nhiệm phục vụ đất nước.

Bảy là, thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Chỉ thị của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và Tỉnh ủy về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI). Tập trung rà soát, kịp thời kiến nghị sửa đổi các cơ chế, quy định, quy trình bất hợp lý, chồng chéo, mâu thuẫn, đề xuất cắt giảm và đơn giản hóa các thủ tục hành chính. Triển khai kịp thời các văn bản về chế độ, chính sách tài chính theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Đẩy mạnh thực hiện giải ngân kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước; Tập trung quản lý, đôn đốc, kiểm tra nhằm đảm bảo tiến độ, chất lượng các dự án. Tăng cường các hoạt động xúc tiến đầu tư, kết nối để mở rộng cơ hội đầu tư, thương mại.

Tám là, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số gắn với CCHC, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến; thực hiện nghiêm việc ký số, gửi nhận văn bản và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử; khẩn trương thực hiện đồng bộ, đúng yêu cầu, có hiệu quả các mục tiêu, nhiệm vụ trong xây dựng và

phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số, hệ thống cơ sở dữ liệu, bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu đồng bộ, thông suốt giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương phục vụ phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ công tác chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước. Tăng cường tích hợp các tiện ích trên Ứng dụng định danh điện tử (VNeID); tập trung rà soát, đánh giá lại chất lượng các dịch vụ công trực tuyến đang cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC cấp tỉnh và tích hợp, cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; đẩy mạnh số hóa và tái sử dụng dữ liệu; thúc đẩy triển khai Đề án 06 tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp trong thực hiện TTHC.

Chín là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thường xuyên và không báo trước đối với công tác CCHC; thường xuyên rà soát, đánh giá, báo cáo tiến độ thực hiện các nhiệm vụ CCHC.

5. Kiến nghị, đề xuất

5.1. Đối với các cơ quan được giao phụ trách lĩnh vực, nội dung CCHC tỉnh

- Chủ động, kịp thời tham mưu cho UBND tỉnh các văn bản chỉ đạo, điều hành cũng như những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả những nội dung, lĩnh vực được giao phụ trách.

- Thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện các nội dung công tác CCHC được giao phụ trách, đặc biệt là các nội dung có liên quan đến công tác chấm điểm xác định chỉ số CCHC cấp tỉnh đảm bảo giữ vững kết quả các lĩnh vực, tiêu chí, tiêu chí thành phần đã đạt điểm tối đa; đề xuất và triển khai quyết liệt các giải pháp để đạt điểm, đạt điểm tối đa đối với các tiêu chí, tiêu chí thành phần chưa đạt điểm tối đa hoặc chưa được điểm.

- Báo cáo kịp thời những khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện về UBND tỉnh, Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh để có hướng chỉ đạo. Đề xuất, triển khai các giải pháp đột phá để đạt được mục tiêu của tỉnh đề ra và nâng cao kết quả, điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần do cơ quan phụ trách trong năm 2025 và các năm tiếp theo.

- Chủ động xây dựng nội dung, TC, TCTP trong Đề án xác định Chỉ số cải cách hành chính các cơ quan, đơn vị, địa phương để đạt mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC, qua đó góp phần duy trì, cải thiện kết quả Chỉ số CCHC cấp tỉnh.

5.2. Đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác CCHC tại cơ quan, đơn vị, địa phương.

- Hoàn thành đạt và vượt mục tiêu kế hoạch CCHC đã đề ra; đề xuất và triển khai quyết liệt, có hiệu quả khắc phục tồn tại, hạn chế đối với các nhiệm vụ chưa đạt kết quả theo mục tiêu mà tỉnh đã đề ra.

- Thực hiện công tác tự kiểm tra đánh giá đúng thực chất kết quả CCHC của cơ quan, đơn vị, địa phương, nhất là đối với các nhiệm vụ còn tồn tại, hạn chế.

- Tiếp tục thực hiện nghiêm túc trong việc lấy kết quả CCHC là một trong các tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá xếp loại, xét thi đua, khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm CBCCVC.

Trên đây là Phân tích kết quả Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (Sipas) và kết quả Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) tỉnh Điện Biên năm 2024./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh Ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- TV BCĐ CCHC, CDS&ĐA06 của tỉnh;
- CQCM thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện;
- Lưu: VT, CCHC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Tiến Đạt